

# NĂNG LỰC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ TUYỂN SINH HỆ KHÔNG CHÍNH QUY TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

## INFORMATION TECHNOLOGY APPLICATION COMPETENCY IN ADMINISTRATIVE RECRUITMENT MANAGEMENT AT HANOI OPEN UNIVERSITY

*Nguyễn Quỳnh Anh\**

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 4/7/2019

Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 2/01/2020

Ngày bài báo được duyệt đăng: 27/01/2020

**Tóm tắt:** Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) đã có những ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của xã hội nói chung và của ngành giáo dục đào tạo nói riêng. Để có thể theo kịp sự phát triển và tăng khả năng cạnh tranh trong thời đại kỹ thuật số, Trung tâm Phát triển Đào tạo (PTĐT) – Trường Đại học Mở Hà Nội (ĐHMHN) cũng không nằm ngoài xu hướng chung, đó là ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động quản lý tuyển sinh hệ không chính quy (KCQ). Nội dung bài viết tập trung vào các cơ sở lý luận về công nghệ thông tin trong lĩnh vực quản lý giáo dục và vai trò của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tuyển sinh hệ không chính quy, chủ yếu là hệ đào tạo từ xa và hệ vừa làm vừa học. Bằng phương pháp quan sát, thống kê phân tích thực trạng ứng dụng CNTT của cán bộ Trung tâm PTĐT để đưa ra những giải pháp cụ thể nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin.

**Từ khóa:** tuyển sinh không chính quy, đào tạo từ xa, vừa làm vừa học, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý tuyển sinh, cách mạng công nghiệp 4.0.

**Abstract:** The industrial revolution 4.0 has had a great impact on the development of society in general and of education in particular. In order to keep up with the development and increase competitiveness in the digital age, the Center of Education Development (CED) – Hanoi Open University (HOU) is non-exception to the tendency, it is the application of information technology (IT) in the management of non-formal enrollment system. The paper focuses on the theoretical foundations of IT in the field of educational management and the role of IT application in the management of non-formal enrollment system, mainly the distance and in-service learning by observing and making statistical analysis from the IT application of CED's staff to give specific solutions in order to enhance their IT application competency.

**Keywords:** non-formal, competency, information technology, enrollment management, industrial revolution 4.0.

---

\* Trung tâm Phát triển đào tạo, Trường Đại học Mở Hà Nội

## 1. Đặt vấn đề

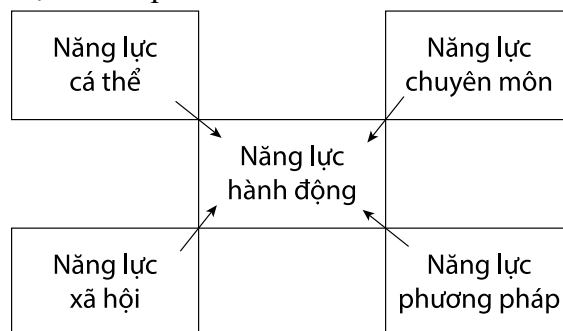
Ngành giáo dục Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư trải qua những ảnh hưởng nhất định bởi đội ngũ lao động và hệ thống cơ sở vật chất chưa đáp ứng kịp thời. Tuy nhiên đó cũng là cơ hội hội nhập để phát triển giúp thay đổi tư duy và năng lực quản lý giáo dục bằng cách ứng dụng các thành tựu nổi bật như là IoT (Internet kết nối vạn vật), AI (dùng trí tuệ nhân tạo), thực tế ảo, robot, điện toán đám mây, mạng xã hội, số hóa hay bigdata. Chính vì vậy mà ngày 25 tháng 01 năm 2017 Thủ tướng chính phủ đã ban hành quyết định số 117/QĐ-TTg phê duyệt đề án “*Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy – học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025*” [12]. Song song với việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin Thủ tướng chính phủ cũng đã ban hành quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2019 về việc phê duyệt đề án “*Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2030*” [13], trong đó có tập trung bồi dưỡng, nâng cao năng lực công nghệ thông tin cũng là một nhiệm vụ trọng tâm của đề án này. Để có thể thích ứng với thời đại kỹ thuật số đòi hỏi cán bộ, giảng viên luôn học hỏi, nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc chuyên môn, đặc biệt là công tác quản lý tuyển sinh. Có thể thấy rõ là Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như đa số các trường đại học ở Việt Nam chỉ tập trung cho hệ thống quản lý tuyển

sinh hệ chính quy mà chưa đầu tư cho việc quản lý tuyển sinh hệ không chính quy (từ xa, vừa làm vừa học).

Trong phạm vi bài viết này, tác giả làm rõ khái niệm năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin tại Trung tâm PTĐT – Trường ĐHMHN trong quản lý tuyển sinh hệ không chính quy, xây dựng khung năng lực ứng dụng CNTT trong quản lý tuyển sinh hệ không chính quy, từ đó đưa ra một số đề xuất và khuyến nghị về khung năng lực đối với cán bộ tuyển sinh không chính quy và giải pháp tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý tuyển sinh hệ không chính quy tại Trường ĐHMHN.

## 2. Năng lực ứng dụng CNTT trong quản lý tuyển sinh hệ không chính quy

Theo các nhà sư phạm nghề Đức [14] thì cấu trúc chung của năng lực hành động được mô tả là sự kết hợp của 4 năng lực thành phần sau:



Mô hình cấu trúc năng lực trên đây có thể cụ thể hoá trong từng lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp khác nhau. Mặt khác, trong mỗi lĩnh vực nghề nghiệp người ta cũng mô tả các loại năng lực khác nhau. Ví dụ năng lực của cán bộ tuyển sinh bao gồm những nhóm cơ bản sau: *Năng lực tư vấn tuyển sinh, năng lực xử lý hồ sơ, năng lực thẩm định văn bằng*

*gốc, năng lực quản lý dữ liệu đầu vào, năng lực phát triển nghề nghiệp và phát triển quy mô tuyển sinh.* Từ cấu trúc của khái niệm năng lực cho thấy giáo dục định hướng phát triển năng lực không chỉ nhằm mục tiêu phát triển năng lực chuyên môn bao gồm tri thức, kỹ năng chuyên môn mà còn phát triển năng lực phương pháp, năng lực xã hội và năng lực cá thể. Những năng lực này không tách rời nhau mà có mối quan hệ chặt chẽ. Năng lực hành động được hình thành trên cơ sở có sự kết hợp các năng lực này.

Theo Luật Công nghệ thông tin của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, số 67/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 [2], tại điều 4 giải thích về CNTT là “*Công nghệ thông tin là tập hợp các phương pháp khoa học, công nghệ và công cụ kỹ thuật hiện đại để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số*” và ứng dụng CNTT là “*Ứng dụng công nghệ thông tin là việc sử dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh và các hoạt động khác nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của các hoạt động này*”. Tại điều 34 quy định cụ thể về việc Ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Tìm hiểu về khái niệm quản lý tuyển sinh hệ không chính quy. Trong bài viết này, tác giả tập trung vào đại học hệ đào tạo không chính quy gồm hệ đào tạo nghiên cứu vấn đề quản lý tuyển sinh đầu vào bao gồm các dữ liệu trong quá trình tuyển sinh từ văn bản thủ tục pháp lý, hồ sơ đăng ký xét tuyển, kết quả thẩm định văn bằng gốc, danh sách sinh viên và các

quyết định tuyển sinh liên quan, giấy báo nhập học, hợp đồng tư vấn tuyển sinh, thẻ sinh viên, số liệu tuyển sinh, đơn vị liên kết (ĐVLK)/ Trạm đào tạo từ xa (ĐTTX), cộng tác viên (CTV), tập huấn tư vấn tuyển sinh. Do vậy, dựa trên cơ sở lý luận về năng lực và ứng dụng CNTT ở trên thì có thể hiểu năng lực ứng dụng CNTT trong quản lý tuyển sinh hệ không chính quy là khả năng sử dụng các công cụ công nghệ để thu thập, tạo ra, lưu trữ, quản lý, trao đổi và chia sẻ dữ liệu tuyển sinh hệ không chính quy theo yêu cầu thực tế của công việc.

Một số khung năng lực ứng dụng CNTT liên quan tới lĩnh vực giáo dục trong và ngoài nước đã được công bố mà tác giả tham khảo được liệt kê cuối bài viết này, tuy nhiên có hai khung năng lực ứng dụng CNTT có liên quan tới giáo dục tác giả thấy có sự tương đồng là khung năng lực ứng dụng CNTT cho giáo viên của Unesco và khung năng lực ứng dụng CNTT cho giảng viên ngoại ngữ gồm: Khung năng lực ứng dụng CNTT cho giáo viên của UNESCO (Unesco ICT Competency Framework for Teachers) [5] và Khung năng lực ứng dụng CNTT cho giảng viên ngoại ngữ [7].

Các khung năng lực ứng dụng CNTT đã được công bố cũng phần lớn tập trung vào đối tượng giáo viên/giảng viên hoặc học sinh/ sinh viên trong công tác giảng dạy và học tập. Hiện chưa có tài liệu được công bố nào nghiên cứu dành riêng cho đối tượng cán bộ tuyển sinh (CBTS) thực trạng ứng dụng CNTT trong quản lý tuyển sinh hệ không chính quy tại Trường Đại học Mở Hà Nội.

### 3. Thực trạng ứng dụng CNTT trong quản lý tuyển sinh hệ KCQ tại Trường Đại học Mở Hà Nội.

Tại Trường ĐHMHN đơn vị đầu mối thực hiện nhiệm vụ tuyển sinh không chính quy là Trung tâm PTĐT, gồm các nhiệm vụ quy định tại Quy trình tuyển sinh đại học hệ không chính quy ngày 20 tháng 02 năm 2019 [11] được ban hành kèm theo Quyết định số 318/QĐ-ĐHM ngày 26 tháng 08 năm 2017 và Quyết định số 320/QĐ-ĐHM ngày 26 tháng 08 năm 2017 của Viện trưởng Viện Đại học Mở Hà Nội về Quy định đào tạo vừa làm vừa học và đào tạo từ xa trình độ đại học.

Việc ứng dụng CNTT vào quá trình quản lý tuyển sinh tại Trung tâm PTĐT được thống kê phân loại theo hình thức sử dụng các phương tiện kỹ thuật công nghệ như sau:

❖ *Sử dụng các phương tiện kỹ thuật, thiết bị công nghệ:* Máy tính cá nhân (PC), Máy tính xách tay (Laptop); Máy Scan; Máy in thẻ nhựa Sunlight Lux, Sunlight Star, Máy in văn phòng (đen trắng); Máy photocopy; Điện thoại thông minh; Máy chiếu; Màn hình led, màn chiếu.

❖ *Sử dụng mạng internet để tìm kiếm, khai thác thông tin tuyển sinh:* Trình duyệt Web (Google Chrome, Mozilla Firefox, Cốc cốc, Opera, Safari, Internet Explorer, UC Browser); Website giáo dục, Cổng thông tin tuyển sinh...

❖ *Sử dụng các ứng dụng, phần mềm quản lý và hiệu chỉnh dữ liệu tuyển sinh*

i. Ứng dụng văn phòng (Word, Excel, Power Point, Access) là công cụ dùng để soạn thảo, chỉnh sửa, thiết kế các loại văn bản tuyển sinh nói chung; biên

bản xác nhận điều kiện đảm bảo chất lượng, bản thống kê điều kiện đặt trạm, thông báo tuyển sinh...; xây dựng biểu mẫu danh sách sinh viên, báo cáo tuyển sinh theo các tiêu chí khác nhau, biểu mẫu thanh toán phí hỗ trợ tuyển sinh...; hợp đồng tư vấn tuyển sinh; bản câu hỏi khảo sát sinh viên; tạo dữ liệu làm thẻ sinh viên; tài liệu tập huấn tư vấn tuyển sinh, hướng dẫn sử dụng phần mềm Hệ thống quản lý tuyển sinh không chính quy;...

ii. Phần mềm Microsoft Visual Fox Pro: là một hệ quản trị cơ sở dữ liệu trực quan (Database Management System – DBMS), phần mềm quản lý dữ liệu tuyển sinh đầu vào hệ Từ xa sử dụng từ năm 1994 đến năm 2014, có một số hạn chế nhất định trong việc thống kê, báo cáo và xuất dữ liệu. Hiện nay, vẫn đang được sử dụng để tra cứu dữ liệu sinh viên nhập học trong giai đoạn 1994-2014 đăng ký xét tốt nghiệp và các yêu cầu phát sinh khác.

iii. Phần mềm Hệ thống quản lý tuyển sinh không chính quy: là phần mềm hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến, giúp quản lý hồ sơ tuyển sinh, đăng ký tuyển sinh trực tuyến, tra cứu và quản lý dữ liệu tuyển sinh, kết quả tuyển sinh, thực hiện thống kê hoặc báo cáo số liệu tuyển sinh ... thuận tiện, nhanh chóng. Phần mềm này được viết trên hệ thống mã nguồn mở, người sử dụng phải có thiết bị điện tử được kết nối internet (điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân) và dùng trình duyệt để sử dụng (Google Chrome, Firefox...) để truy cập vào hệ thống qua link <https://tuyensinh.hou.edu.vn/admin>. Thời gian sử dụng từ năm 2015 đến nay. Tuy nhiên trải qua các giai đoạn thiết kế, xây dựng, chạy thử nghiệm, kiểm thử các đối tượng người dùng khác nhau, Trung tâm PTĐT chính

thức nghiệm thu và tiếp nhận bàn giao tài sản từ 30/08/2018. Đối với hệ Từ xa dữ liệu tuyển sinh đầu vào được cập nhật từ năm 2015 đến nay. Đối với hệ VLVH đang thực hiện nâng cấp phần mềm ở giai đoạn chạy thử nghiệm nên dữ liệu được cập nhật từ đầu năm 2019.

iv. Phần mềm Hệ thống khảo sát sinh viên hệ không chính quy: phần mềm hỗ trợ thực hiện khảo sát trực tuyến; giúp tiết kiệm chi phí in ấn bảng câu hỏi giấy; giảm chi phí di chuyển thực hiện khảo sát bằng việc gửi link qua thư điện tử, tin nhắn, các ứng dụng liên lạc miễn phí khác; rút ngắn thời gian thực hiện và thống kê kết quả khảo sát được thuận tiện và nhanh chóng. Phần mềm này được viết trên hệ thống mã nguồn mở, người sử dụng phải có thiết bị điện tử được kết nối internet (điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân) và dùng trình duyệt để sử dụng (Google Chrome, Firefox....) để truy cập nội dung khảo sát qua link <http://survey.hou.edu.vn/khao-sat/v2/khao-sat-sinh-vien-khong-chinh-quy-bP5ZU6Id4dNF.html>. Thời gian sử dụng từ năm 2018 và thực hiện theo kế hoạch 1 lần/ năm.

v. Phần mềm Adobe Photoshop CS2 sử dụng để chỉnh sửa dữ liệu ảnh thẻ sinh viên sau khi scan.

vi. Phần mềm in thẻ nhựa Rainbow sử dụng để in ấn thẻ sinh viên từ dữ liệu ảnh thẻ và thông tin dạng Access bằng máy in thẻ nhựa.

❖ *Sử dụng các công cụ công nghệ kỹ thuật để liên lạc, chia sẻ dữ liệu*

i. Lắp đặt hệ thống mạng LAN nội bộ cho các máy tính cá nhân.

ii. Kết nối Internet cáp quang tốc độ cao cho hệ thống mạng LAN.

iii. Kết nối Wifi tốc độ cao cho điện thoại thông minh, máy tính bảng.

iv. Thư điện tử (Email).

v. Mạng xã hội (Facebook).

vi. Ứng dụng nhắn tin, gọi điện miễn phí (Zalo, Viber, Facebook Messenger, Facetime).

Bằng phương pháp quan sát trực tiếp, thu thập thông tin, thống kê phân tích tác giả đánh giá thực trạng ứng dụng CNTT trong quản lý tuyển sinh hệ không chính quy cụ thể theo từng nhiệm vụ chuyên môn trong bảng dưới đây:

*Bảng 2. Đánh giá thực trạng ứng dụng CNTT tại Trung tâm PTĐT*

Stt	Công việc	Thực trạng ứng dụng ctt
1	Văn bản thủ tục pháp lý (Công văn, Thông báo tuyển sinh, QĐ thành lập Trạm, Biên bản kiểm tra CSVC, hợp đồng tư vấn tuyển sinh ...)	- Ứng dụng CNTT qua việc sử dụng máy tính cá nhân kết nối Internet cáp quang tốc độ cao cho hệ thống mạng LAN, máy in văn phòng, máy scan; ứng dụng Word, Excel. - Đánh giá: sử dụng thành thạo, thường xuyên, hàng ngày; chưa tích hợp với phần mềm Hệ thống quản lý tuyển sinh KCQ, quản lý dữ liệu theo phân loại tệp trên máy tính, lưu trữ bản cứng, chưa thực hiện việc lưu trữ dữ liệu điện tử đối với văn bản sau khi đã ký đóng dấu. Đa số các văn bản được soạn thảo trên ứng dụng Word, trừ hợp đồng tư vấn tuyển sinh được quản lý dữ liệu và soạn thảo trên ứng dụng Ecel.

2	Thẩm định hồ sơ, đánh mã, quản lý và lưu trữ hồ sơ	<p>- Ứng dụng CNTT qua việc sử dụng máy tính cá nhân kết nối Internet cáp quang tốc độ cao cho hệ thống mạng LAN, máy in văn phòng, máy scan; ứng dụng Word, Excel; các trình duyệt Web, phần mềm Hệ thống quản lý tuyển sinh KCQ; thư điện tử;</p> <p>- Đánh giá: sử dụng thành thạo, thường xuyên, hàng ngày; tuy nhiên đối với việc lưu trữ hồ sơ còn thực hiện thủ công chưa tích hợp với phần mềm Hệ thống quản lý tuyển sinh, chưa lưu trữ dưới dạng thư viện điện tử hoặc lưu trữ hồ sơ bằng phần mềm.</p>
3	Quyết định tuyển sinh (QĐ thành lập hội đồng, giấy báo nhập học, QĐ trúng tuyển, QĐ công nhận SV...)	<p>- Ứng dụng CNTT qua việc sử dụng máy tính cá nhân kết nối Internet cáp quang tốc độ cao cho hệ thống mạng LAN, máy in văn phòng, máy scan; ứng dụng Word, Excel; các trình duyệt Web, phần mềm Hệ thống quản lý tuyển sinh KCQ</p> <p>- Đánh giá: sử dụng thành thạo, thường xuyên, hàng ngày; đã tích hợp với phần mềm Hệ thống quản lý tuyển sinh KCQ, tuy nhiên chỉ thực hiện lưu trữ bản cứng, chưa thực hiện việc lưu trữ dữ liệu điện tử đối văn bản sau khi đã ký đóng dấu.</p>
4	Thẩm định văn bản gốc	<p>- Ứng dụng CNTT qua việc sử dụng máy tính cá nhân kết nối Internet cáp quang tốc độ cao cho hệ thống mạng LAN, máy in văn phòng, máy scan; máy photocopy; ứng dụng Excel; các trình duyệt Web, phần mềm Hệ thống quản lý tuyển sinh KCQ; thư điện tử;</p> <p>- Đánh giá: sử dụng thành thạo, thường xuyên, hàng ngày; đã tích hợp với phần mềm Hệ thống quản lý tuyển sinh KCQ tuy nhiên dữ liệu chưa được cập nhật đầy đủ vào hệ thống do việc phân công nhiệm vụ chưa thống nhất giữa các đơn vị thực hiện.</p>
5	Làm thẻ sinh viên	<p>- Ứng dụng CNTT qua việc sử dụng máy tính cá nhân kết nối Internet cáp quang tốc độ cao cho hệ thống mạng LAN, máy in thẻ Sunlight Star, máy Canonscan LiDE210; ứng dụng Excel, Access; các trình duyệt Web, phần mềm Hệ thống quản lý tuyển sinh KCQ; phần mềm Adobe Photoshop CS2, Rainbow; thư điện tử;</p> <p>- Đánh giá: sử dụng rập khuôn theo hướng dẫn của kỹ thuật viên, thường xuyên, hàng ngày; chưa tích hợp in trực tiếp với phần mềm Hệ thống quản lý tuyển sinh KCQ. Còn phụ thuộc vào nhân viên kỹ thuật khi có sự cố kỹ thuật xảy ra về in lỗi hay máy in không hoạt động.</p>
6	Thanh toán phí hỗ trợ tuyển sinh	<p>- Ứng dụng CNTT qua việc sử dụng máy tính cá nhân kết nối Internet cáp quang tốc độ cao cho hệ thống mạng LAN, máy in văn phòng, máy scan; ứng dụng Excel; các trình duyệt Web, phần mềm Hệ thống quản lý tuyển sinh KCQ; thư điện tử; Zalo;</p> <p>- Đánh giá: sử dụng thành thạo, thường xuyên, hàng ngày; đã tích hợp với phần mềm Hệ thống quản lý tuyển sinh KCQ xuất một số biểu mẫu dữ liệu liên quan; tuy nhiên ghi nhận và thống kê việc thanh toán chưa được sử dụng hiệu quả nên đang thực hiện theo dõi, báo cáo trên ứng dụng Excel.</p>

7	Báo cáo tuyển sinh	<p>- Ứng dụng CNTT qua việc sử dụng máy tính cá nhân kết nối Internet cáp quang tốc độ cao cho hệ thống mạng LAN, máy in văn phòng; ứng dụng Excel; các trình duyệt Web, phần mềm Hệ thống quản lý tuyển sinh KCQ; thư điện tử;</p> <p>- Đánh giá: sử dụng thành thạo, thường xuyên, hàng tháng/ quý/ năm; đã tích hợp với phần mềm Hệ thống quản lý tuyển sinh KCQ xuất được một số báo cáo theo những tiêu chí cụ thể căn cứ vào quyết định sinh viên giúp số liệu báo cáo được chính xác như quyết định đã ban hành.</p>
8	Quản lý ĐVLK/ Trạm ĐTTX/ CTV	<p>- Ứng dụng CNTT qua việc sử dụng máy tính cá nhân kết nối Internet cáp quang tốc độ cao cho hệ thống mạng LAN; các trình duyệt Web, phần mềm Hệ thống quản lý tuyển sinh KCQ; thư điện tử; ứng dụng nhắn tin, gọi điện miễn phí (chủ yếu là Zalo).</p> <p>- Đánh giá: sử dụng thành thạo, thường xuyên, hàng tuần; đã tích hợp với phần mềm Hệ thống quản lý tuyển sinh KCQ xuất được một số báo cáo cập nhật kịp thời tình hình tuyển sinh của ĐVLK/ Trạm ĐTTX/ CTV; sử dụng các phương tiện công nghệ kỹ thuật để liên lạc, trao đổi và chia sẻ dữ liệu hiệu quả và nhanh chóng. Tuy nhiên số lượng các công cụ được ứng dụng chưa nhiều.</p>
9	Khảo sát sinh viên không chính quy	<p>- Ứng dụng CNTT qua việc sử dụng máy tính cá nhân kết nối Internet cáp quang tốc độ cao cho hệ thống mạng LAN; các trình duyệt Web, phần mềm Khảo sát sinh viên KCQ; ứng dụng Excel; thư điện tử;</p> <p>- Đánh giá: sử dụng thành thạo, 1 lần/ năm; xuất được báo cáo theo yêu cầu; sử dụng các phương tiện công nghệ kỹ thuật để liên lạc, trao đổi và chia sẻ dữ liệu thực hiện khảo sát nhưng chưa hiệu quả một phần do sinh viên không tích cực và chủ động thực hiện khảo sát do không có tính bắt buộc dưới dạng văn bản quy định.</p>
10	Tập huấn tư vấn tuyển sinh không chính quy	<p>- Ứng dụng CNTT qua việc sử dụng máy tính cá nhân kết nối Internet cáp quang tốc độ cao cho hệ thống mạng LAN, màn hình Led, máy chiếu; các trình duyệt Web, cổng thông tin tuyển sinh, phần mềm Hệ thống quản lý tuyển sinh KCQ; ứng dụng Word, Power Point; thư điện tử; mạng xã hội facebook.</p> <p>- Đánh giá: tập huấn tư vấn tuyển sinh hiện đang trong quá trình xây dựng kế hoạch, việc ứng dụng CNTT đang thực hiện trong việc soạn thảo tài liệu tư vấn tuyển sinh và tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm; thực hành các phương tiện công nghệ kỹ thuật cần thiết phục vụ cho buổi tập huấn. Tư vấn tuyển sinh trực tuyến, đăng tải thông báo tuyển sinh hàng ngày, thành thạo qua phần mềm và cổng <a href="https://tuyensinh.hou.edu.vn/">https://tuyensinh.hou.edu.vn/</a> và fanpage <a href="https://www.facebook.com/TuyenSinh.HOU/">https://www.facebook.com/TuyenSinh.HOU/</a>. Tuy nhiên chủ yếu vẫn sử dụng các công cụ truyền thống để tuyển sinh KCQ như truyền miệng, tuyên truyền qua các sự kiện của Trường, pano, áp phích treo tại các ĐVLK/ Trạm ĐTTX.</p>

#### 4. Giải pháp tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý tuyển sinh hệ KCQ tại Trường Đại học Mở Hà Nội.

Nghiên cứu thực trạng tại Trường ĐHMHN, tác giả đưa ra một số giải pháp tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý tuyển sinh hệ KCQ tại Trường ĐHMHN như sau:

Thứ nhất, nghiên cứu một số tài liệu trong và ngoài nước và thực trạng tại Trường ĐHMHN, tác giả nhận thấy chưa có công bố nào về chuẩn năng lực ứng dụng CNTT của cán bộ quản lý tuyển sinh. Đa số các trường đại học đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động giảng

dạy, truyền thông và quảng bá hình ảnh khi tuyển sinh chính quy hàng năm. Song song với tuyển sinh chính quy thì tuyển sinh không chính quy cũng là một nhiệm vụ quan trọng, đặc biệt là với một trường đại học đặc thù về đào tạo mở như Trường ĐHMHN. Do vậy, ứng dụng CNTT trong quản lý tuyển sinh không chính quy đã và đang được quan tâm xây dựng và triển khai trong những năm gần đây. Từ các khung năng lực đã nghiên cứu trong các tài liệu tham khảo, tác giả đề xuất khung năng lực ứng dụng CNTT trong quản lý tuyển sinh hệ không chính quy, đặc biệt áp dụng có điều chỉnh từ Thái Hoài Minh và Trịnh Văn Biểu [5] như sau:

**Bảng 3.** Khung năng lực ứng dụng CNTT cho cán bộ tuyển sinh trong quản lý tuyển sinh hệ không chính quy tại Trường Đại học Mở Hà Nội

STT	Năng lực thành phần	Biểu hiện của cán bộ tuyển sinh (CBTS)
1	Năng lực phân tích, đánh giá các vấn đề về ứng dụng CNTT trong quản lý tuyển sinh hệ không chính quy	1.1. Cập nhật và phân tích được các xu hướng và chính sách ứng dụng CNTT trong công tác quản lý dữ liệu trên thế giới và trong nước. 1.2. Đề xuất các phương án ứng dụng CNTT vào quá trình thực hiện nghiệp vụ chuyên môn theo quy trình tuyển sinh hệ không chính quy phù hợp với những điều kiện khách quan và chủ quan.
2	Năng lực sử dụng các phương tiện công nghệ kỹ thuật	2.1. Sử dụng phương tiện công nghệ kỹ thuật thông thường như máy tính, máy tính bảng, điện thoại thông minh... trong quản lý tuyển sinh không chính quy.
3	Năng lực ứng dụng CNTT trong thẩm định hồ sơ đăng ký xét tuyển, thẩm định văn bằng gốc, làm thẻ sinh viên và tập huấn tư vấn tuyển sinh không chính quy	3.1. Sử dụng mạng internet tìm kiếm, khai thác và quản lý thông tin phục vụ cho việc thẩm định hồ sơ và văn bằng gốc, làm thẻ sinh viên, tập huấn tư vấn tuyển sinh như mẫu phôi bản sao THPT, mẫu xác nhận tốt nghiệp, mẫu công nhận của cục quản lý chất lượng... 3.2. Sử dụng bộ ứng dụng văn phòng, các phần mềm thiết kế, hiệu chỉnh, soạn thảo các tư liệu thẩm định hồ sơ, thẩm định văn bằng gốc, làm thẻ sinh viên, tập huấn tư vấn tuyển sinh như soạn thảo văn bản pháp lý, scan ảnh thẻ, biên tập tài liệu tập huấn tuyển sinh ... 3.3. Kết hợp việc ứng dụng CNTT với các phương pháp tư vấn tuyển sinh tích cực theo định hướng phát triển năng lực cán bộ tuyển sinh hệ không chính quy.
4	Năng lực ứng dụng CNTT trong đánh giá, báo cáo kết quả tuyển sinh không chính quy	4.1. Sử dụng các phần mềm hỗ trợ xây dựng, thiết kế và quản lý dữ liệu tuyển sinh đầu vào hệ không chính quy. 4.2. Ứng dụng CNTT để sử dụng đa dạng các hình thức báo cáo, theo dõi tiến độ tuyển sinh từng ĐVLK/ Trạm ĐTTX, CTV để cung cấp kịp thời số liệu và tình hình tuyển sinh các khu vực.



5	Năng lực ứng dụng CNTT trong quản lý ĐVLK/Trạm ĐTTX, CTV	5.1. Sử dụng công cụ CNTT để quản lý ĐVLK. Trạm ĐTTX, CTV 5.2. Sử dụng các công cụ CNTT để liên lạc, theo dõi, quản lý và hỗ trợ ĐVLK/Trạm ĐTTX, CTV.
6	Năng lực ứng dụng CNTT trong bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ quản lý tuyển sinh không chính quy	6.1. Sử dụng internet và các công cụ tìm kiếm nâng cao để cập nhật thông tin liên quan đến lĩnh vực nghề nghiệp của bản thân như các thông tin về văn bản quy định trong lĩnh vực giáo dục, marketing online, các kênh digital marketing... 6.2. Sử dụng các công cụ CNTT để tham khảo, chia sẻ tài nguyên, làm việc cộng tác với đồng nghiệp tại Trung tâm PTĐT, cán bộ tuyển sinh các ĐVĐT trong Trường ĐHMHN và các ĐVLK/Trạm ĐTTX, CTV tuyển sinh hệ không chính quy.

Dựa trên khung năng lực ứng dụng CNTT cho cán bộ tuyển sinh trong quản lý tuyển sinh hệ không chính quy tại Trường Đại học Mở Hà Nội được đề xuất ở trên, tác giả đề xuất kèm theo các mức độ đánh giá với mỗi biểu hiện cụ thể như sau:

**Mức 0: chưa có năng lực:** CBTS không có biểu hiện này trong các hoạt động quản lý tuyển sinh.

**Mức 1: Có năng lực ở mức độ thấp:** CBTS có biểu hiện nhưng không thường xuyên và không tích cực (áp dụng theo hướng dẫn, không có sự phản hồi trong quá trình làm việc, ít có sáng tạo riêng của bản thân).

**Mức 2: Có năng lực ở mức độ trung bình:** CBTS biểu hiện khá thường xuyên và tích cực (có đưa ra sự đánh giá, nhận xét, phản hồi và sáng tạo riêng của bản thân).

**Mức 3: Có năng lực ở mức độ cao:** CBTS biểu hiện thường xuyên và tích cực (có đưa ra sự đánh giá, nhận xét, phản hồi và sáng tạo riêng của bản thân), đồng thời có thể hướng dẫn và chia sẻ kinh nghiệm với người khác.

Xây dựng khung năng lực ứng dụng CNTT và việc thực hiện đánh giá mức độ ứng dụng CNTT trong quản lý tuyển

sinh không chính quy đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng suất lao động trong các nghiệp vụ cụ thể trong quy trình tuyển sinh, ví dụ như hoàn thiện văn bản pháp lý, thẩm định hồ sơ đăng ký xét tuyển, làm thẻ sinh viên, báo cáo tuyển sinh, tư vấn tuyển sinh trực tuyến ... Thông qua đó giúp cán bộ tuyển sinh nhận thức được tầm quan trọng và lợi ích của việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý tuyển sinh không chính quy.

Thứ hai, đầu tư xây dựng phòng tuyển sinh không chính quy được trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị công nghệ hỗ trợ công tác tư vấn tuyển sinh trực tuyến. Bên cạnh đó kết hợp với việc phát triển đội ngũ cộng tác viên tuyển sinh không chính quy. Thành lập đội ngũ công tác viên làm việc theo hợp đồng khoán việc. Thường xuyên tuyển dụng, tập huấn để đảm bảo số lượng lao động cố định từ 15-20 người. Kế hoạch tập huấn được thực hiện theo quý, tại 3 khu vực miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Quá trình tập huấn ứng dụng các phương tiện công nghệ, kỹ thuật như gửi tài liệu tập huấn qua thư điện tử, liên lạc qua zalo giải đáp thắc mắc, tập huấn trực tiếp sử dụng bài giảng dưới định dạng power point, trình chiếu qua máy tính kết nối màn hình led và clip về giới thiệu về

tuyển sinh không chính quy, hướng dẫn truy cập hệ thống thực hiện trực tiếp trên máy tính. Tài liệu tập huấn chi tiết (tư vấn tuyển sinh và hướng dẫn sử dụng hệ thống quản lý tuyển sinh không chính quy) được gửi qua thư điện tử để đội ngũ CTV có thể nghiên cứu cụ thể. Một mặt tiết kiệm chi phí in ấn mỗi tài liệu có khối lượng 80-100 trang, mặt khác giúp tăng cường ứng dụng CNTT. Sau quá trình tập huấn đảm bảo 100% đội ngũ có năng lực ứng dụng CNTT trong quản lý tuyển sinh không chính quy ở mức 1 trở lên.

Thứ ba, tích cực bồi dưỡng chuyên môn công nghệ thông tin cho cán bộ tuyển sinh Trung tâm PTĐT nói riêng và các cán bộ tuyển sinh cho Trường ĐHMHN nói chung thông qua các lớp học cấp chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản, chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao, chứng chỉ Tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS, chứng chỉ Tin học quốc tế IC3... Đồng thời, nghiên cứu và cử cán bộ tuyển sinh học các lớp nâng cao nghiệp vụ tuyển sinh phù hợp và đặc biệt có ứng dụng CNTT như là khóa học Marketing online, Max Facebook Ads (MFA), Xây dựng hệ thống kênh digital - Digital Marketing Channels...

Thứ tư, ứng dụng CNTT trong việc lưu trữ văn bản. Như là ứng dụng phần mềm lưu trữ quản lý dữ liệu Crown Việt Nam, phần mềm lưu trữ văn bản Cloudoffice để lưu trữ các loại văn bản thủ tục pháp lý (công văn, quyết định, biên bản, hợp đồng...). Quản lý và lưu trữ hồ sơ đăng ký xét tuyển bằng cách xây dựng hệ thống lưu trữ điện tử tích hợp với phần mềm Hệ thống quản lý tuyển sinh không chính quy. Lưu trữ bằng hai hình thức: hồ sơ điện tử là scan toàn bộ hồ sơ gốc và hồ sơ gốc được tạo mã hồ sơ chính là mã

sinh viên, sắp xếp theo thứ tự quyết định sinh viên tăng dần theo năm. Việc tra cứu và tìm hồ sơ tương tự như việc tìm tài liệu thư viện truyền thống và thư viện điện tử. Đồng thời cũng phải nâng cấp cơ sở vật chất cho việc lưu trữ hồ sơ khô thoáng, đảm bảo hồ sơ lưu trữ trong suốt quá trình đào tạo không bị ẩm mốc, rách hỏng, mất.

Thứ năm, các phần mềm tuyển sinh và phần mềm quản lý đào tạo hiện đang hoạt động độc lập. Do vậy cần tích hợp các phần mềm hiện có giữa đơn vị đầu mối tuyển sinh và các đơn vị đào tạo trong Trường ĐHMHN để có thể chia sẻ và tìm kiếm dữ liệu của sinh viên không chính quy xuyên suốt quá trình đào tạo. Tránh việc sinh viên đã bị hủy công nhận sinh viên nhưng đơn vị đào tạo vẫn tiếp tục quá trình đào tạo. Đồng thời có thể quản lý tổng hợp các trạng thái của sinh viên trong suốt quá trình đào tạo từ khi đăng ký học đến khi tốt nghiệp. Giải pháp này giúp hiệu quả ứng dụng CNTT đạt kết quả tốt hơn trong công việc chuyên môn của từng đơn vị trong quá trình đào tạo.

Thứ sáu, tăng cường ứng dụng CNTT trong việc trao đổi, liên lạc và chia sẻ dữ liệu tuyển sinh qua một số công cụ cơ bản Digital Marketing. Ngoài các công cụ và phương tiện công nghệ miễn phí đang được áp dụng đơn lẻ đã phân tích ở thực trạng, Trường ĐHMHN cần được đầu tư thêm những phương tiện đạt hiệu quả cao hơn cho Trung tâm PTĐT sử dụng đặc biệt cho mục tiêu phát triển quy mô tuyển sinh như:

i. Tổng đài tin nhắn – SMS Gateway: là hình thức tương tác hai chiều giữa khách hàng (khách hàng gọi chung ở đây gồm: người có nhu cầu học,

sinh viên, cựu sinh viên, ĐVLK/ Trạm ĐTTX, CTV) và Trường ĐHMHN thông qua hình thức nhắn tin trên thiết bị điện thoại di động cá nhân.

ii. Thư điện tử Marketing - Email Marketing: là một hình thức quảng cáo trực tiếp sử dụng thư điện tử để giao tiếp, để tăng cường sự gắn kết của Trường ĐHMHN tới đối tượng mục tiêu chủ yếu là người có nhu cầu học tập không chính quy.

iii. Tiếp thị truyền thông qua mạng xã hội – Social Media Marketing: là thực hiện thông qua phương tiện truyền thông mạng xã hội, phổ biến như là Facebook, Instagram, Youtube, Zalo, Viber ... Tương tác qua mạng xã hội nhằm gia tăng sự nhận biết thương hiệu Trường ĐHMHN nói chung và chia sẻ dữ liệu tuyển sinh nói riêng.

## 5. Kết luận.

Ứng dụng tối đa những thành tựu khoa học công nghệ kỹ thuật phù hợp từ cuộc CMCN 4.0 sẽ góp phần nâng cao tính cạnh tranh của Trường Đại học Mở Hà Nội nói chung và trong công tác tuyển sinh không chính quy nói riêng. Năng lực ứng dụng CNTT của mỗi cán bộ tuyển sinh cũng thúc đẩy quy trình tuyển sinh hoạt động theo đúng thời gian quy định và cũng làm cho người học cảm thấy dịch vụ tuyển sinh nhanh chóng, thuận tiện ngay ở những bước đầu nhập học cũng như nâng cao khả năng tuyên truyền tuyển sinh. Chính vì vậy, việc thường xuyên bồi dưỡng năng lực ứng dụng CNTT cho cán bộ tuyển sinh không chính quy cần được quan tâm và chú trọng hơn trong những năm tiếp theo.

## Tài liệu tham khảo:

### Tiếng Việt

[1]. Luật Công nghệ thông tin của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, số 67/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006.

[2]. Văn bản hợp nhất 10/VBHN-VPQH năm 2017 về hợp nhất Luật Công nghệ thông tin do Văn phòng Quốc hội ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2017.

[3]. Thông tư 03/2014/TT-BTTTT Quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

[4]. Thông tư 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập.

[5]. Thái Hoài Minh, Trịnh Văn Biểu (2016), Xây dựng khung năng lực Ứng dụng công nghệ thông tin và Truyền thông trong dạy học cho sinh viên sư phạm hóa học, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Số 7(85) năm 2016.

[6]. Phạm Văn Bán, Nguyễn Phương Thảo (2018), Phát triển Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và Truyền thông cho sinh viên ngành sư phạm toán tại Trường Đại học An Giang qua học phần "Tin học chuyên ngành", Tạp chí Giáo dục, Số 433 (Kì 1 – 7/2018).

[7]. Hồ Ngọc Trung, Vũ Thị Mai Quế (2019), Năng lực Ứng dụng Công nghệ thông tin trong giảng dạy ngoại ngữ tại Trường Đại học Mở Hà Nội, Tạp chí khoa học Viện Đại học Mở Hà Nội, Số 55, tháng 05-2019.

[8]. Nguyễn Thị Thanh Nhân (2019), Phát triển Thư viện điện tử số trong thời đại công nghệ 4.0 tại Trường Đại học Mở Hà Nội, Tạp chí khoa học Viện Đại học Mở Hà Nội, Số 55, tháng 05-2019.

[9]. Đinh Tuấn Long (2018), Mở rộng cơ hội học tập cho mọi người với cuộc cách mạng

công nghiệp 4.0, Tạp chí khoa học Viện Đại học Mở Hà Nội, Số 48, tháng 10-2018.

[10]. Quy trình tuyển sinh đại học hệ không chính quy ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Trường Đại học Mở Hà Nội.

*Nguồn Internet:*

[11]. [https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%B4ng\\_nghi%E1%BB%87p\\_4.0](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%B4ng_nghi%E1%BB%87p_4.0)

[12]. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Quyết-dinh-117-QĐ-TTg-Tang-cuong-ung-dung-cong-nghe-thong-tin-trong-hoat-dong-day-hoc-2017-338432.aspx>

[13]. <https://luatvietnam.vn/giao-duc/quyet-dinh-89-qd-ttg-2019-nang-cao-nang-luc-giang-vien-can-bo-quan-ly-dai-hoc-170333-d1.html>

[14]. [https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/M%C3%B4\\_h%C3%ACnh\\_n%C4%83ng\\_l%E1%BB%B1c\\_theo\\_c%C3%A1c\\_nh%C3%A0\\_s%C6%B0\\_p\\_h%E1%BA%A1m\\_ngh%E1%BB%81\\_%C4%90%E1%BB%A9c](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/M%C3%B4_h%C3%ACnh_n%C4%83ng_l%E1%BB%B1c_theo_c%C3%A1c_nh%C3%A0_s%C6%B0_p_h%E1%BA%A1m_ngh%E1%BB%81_%C4%90%E1%BB%A9c)

[15]. <https://e-ict.gov.vn/news/cuc-cntt/tang-cuong-ung-dung-cntt-trong-giao-duc-nam-hoc-2017-2018-182.html>

[16]. <https://giaoducthoidai.vn/giao-duc/ung-dung-hieu-qua-cntt-trong-quan-ly-va-day-hoc-3946255-v.html>

[17]. <https://giaoducthoidai.vn/giao-duc/day-manh-ung-dung-cong-nghe-thong-tin-trong-nganh-giao-duc-3932366-b.html>

[18]. <http://www.moet.gov.vn/giaoducquocdan/tang-cuong-ung-dung-cntt/Pages/chi-tiet-van-ban-chi-dao-dieu-hanh.aspx?ItemID=2124>

[19]. <https://qandme.net/vi/baibaocao/Ung-dung-cong-nghe-thong-tin-tai-cac-truong-dai-hoc-Viet-Nam.html>

[20]. <https://123doc.org/document/282483-mot-so-giai-phap-trien-khai-ung-dung-cong-nghe-thong-tin-trong-nha-truong.htm>

[21]. <https://hocvienmoa.edu.vn/cong-cu-digital-marketing-co-ban/>

**Địa chỉ tác giả: Nguyễn Quỳnh Anh – Trung tâm Phát triển Đào tạo**

**Email: quynhanhg@hou.edu.vn**